

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 24/09/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vận
cMền hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Huân
2. Ông Trương Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 về: Tranh chấp hợp đồng vận tải, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 08 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ Hữu L, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Ủy quyền cho ông Trần Văn D-Công ty Luật TNHH Quang M và Cộng sự, theo Hợp đồng ủy quyền số 319/HĐUQ-LQH ngày 02/11/2024; ông Nguyễn Văn P- Luật sư Công ty Luật TNHH Quang M và Cộng sự.

Địa chỉ: Biệt thự E1, khu A10, khu đô thị A, thành phố Hà Nội (đều vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn X, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

Người bảo vệ quyền, L ích hợp pháp cho ông Đoàn Văn X: Ông Phạm Văn E, ông Lê Đình Đ-Luật sư, Công ty Luật TNHH 1, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: số 5 đường Z, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội (ông E có mặt, ông Đ vắng mặt)

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị W, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị K1, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI K1 VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Tạ Hữu L và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Giữa anh và ông Đoàn Văn X không có quan hệ bạn bè, họ hàng gì, chỉ là quan hệ xã hội. Qua bạn bè giới thiệu, được biết ông Đoàn Văn X có xe ô tô tải cMên trở hàng hóa thuê, nên anh đã xin số điện thoại và liên lạc qua điện thoại với ông X, nội K1 là anh thuê ông X trở hàng hóa là quả cau khô. Sau khi trao đổi, thống nhất nội K1, ngày 09/10/2024, tại thôn Lâm Đồng, xã Văn Tố, Mện Tứ Kỳ, tỉnh Hải D, anh và ông Đoàn Văn X đã gặp nhau và ký Hợp đồng vận cMên hàng hóa. Nội K1 hai bên thỏa thuận: Anh Đoàn Văn X chịu trách nhiệm về P tiện vận cMên hàng hóa cho anh 621 bao cau khô, khối lượng 40kg/01 bao (trên thực tế thì chỉ có 620 bao), từ thôn Lâm Đồng, xã Văn Tố, Mện Tứ Kỳ, tỉnh Hải D đến cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (từ nơi bắt đầu vận cMên đến nơi giao hàng khoảng 50km). Thời hạn nhận và giao hàng các bên không ghi trong hợp đồng, nhưng thỏa thuận miệng là từ ngày 09/10/2024 (ngày ký hợp đồng) đến ngày 15/10/2024 (các bên không thỏa thuận giờ), giá cước vận cMên là 15.000.000 đồng. Trước khi đóng các quả cau khô vào bao và đưa lên xe ô tô, ông X có mặt cùng với một số công nhân bốc vác kiểm tra. Anh và ông X thỏa thuận trong thời gian vận cMên đến khi anh nhận hàng tại cảng Đình Vũ cau không được hư hỏng, thiếu hụt, nếu hư hỏng, thiếu hụt thì ông X phải đền bù toàn bộ số hàng bị thiếu hụt, bị hư hỏng theo giá thị trường tại nơi giao hàng, tại thời điểm đó là 350.000 đồng/01kg. Ngoài việc giao nhận hàng giữa anh và ông X không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào kiểm tra, kiểm định về chất lượng hàng hóa trước khi cau được đóng bao cMên lên ô tô. Ngày 15/10/2024, ông X đã trở 620 bao cau khô tới cảng Đình Vũ, công nhân xuống hàng báo cho anh qua điện thoại là toàn bộ 620 bao cau khô đã bị mốc, lúc này anh đang ở xã Văn Tố, Mện Tứ Kỳ, tỉnh Hải D. Sau khi nhận được thông tin, anh đã gọi điện thoại cho ông X yêu cầu trở toàn bộ số cau trên đến nơi nhận hàng ban đầu để xử lý. Đêm ngày 15/10/2024 ông X trở hàng về đến nơi,

anh và ông X cùng nhau kiểm tra hàng ngay. Hai bên thỏa thuận sau khi xử lý xong, thiệt hại bao nhiêu thì ông X bồi thường cần đó. Thống nhất P án xử lý số hàng bị mốc bằng rửa cón, anh đã mua cón, thuê khoảng 20 người rửa (không lau), rồi đưa vào xưởng quạt cho cau khô. Thời gian rửa toàn bộ số cau trên mất 03 ngày. Sau khi xử lý, số quả cau khô bị hư hỏng là 100 bao (04 tấn). Từ khi nhận lại hàng cho đến khi xử lý xong số cau trên, anh và ông X không mời cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đến để xem xét, kiểm định và kết luận, anh chỉ mời ông X xuống để tìm P án giải quyết vụ việc. Khi hai bên gặp nhau, ông X đã xác định 100 bao cau khô bị hư hỏng là do lỗi của ông, ông X đồng ý bồi thường. Do lúc đó ông X không có tiền nên xin trả anh từ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đến 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), nhưng anh không đồng ý. Nay anh yêu cầu ông X phải trả anh 4.000kg quả cau khô trên theo giá thị trường là 350.000.000 đồng/01kg bằng 1.400.000.000 đồng và tiền mua cón, tiền thuê nhân công là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Khi anh và ông Đoàn Văn X ký Hợp đồng vận cMễn hàng hóa ngày 09/10/2024, anh và ông X hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không áy ép buộc. Giao dịch giữa anh với ông Đoàn Văn X không liên quan đến người thứ ba, vợ anh là chị Phạm Thị W cũng không có liên quan gì.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Văn X trình bày: Giữa ông và anh Tạ Hữu L là chỗ quen biết nhiều năm, ông đã nhiều lần vận cMễn hàng hóa cho anh Tạ Hữu L. Khoảng 10 giờ sáng ngày 06/10/2024, anh Tạ Hữu L gọi điện thoại cho ông với nội K1 nhờ ông xuống trở quả cau khô từ xã Văn Tố, Mện Tứ Kỳ, tỉnh Hải D xuống cảng Đình Vũ, thành phố Hải Phòng, ông nhận lời. 19 giờ cùng ngày (06/10/2024), ông đánh xe ô tô tải, biển kiểm sát 98C-14920 có mặt tại địa bàn xã Văn Tố. Đến 19 giờ 30 phút thì có khoảng 05 người do phía anh L thuê bốc hàng lên xe ô tô. Những người bốc hàng này ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu, nếu cho nhận dạng, ông vẫn sẽ nhận được, vì những người này trước đây cũng đã từng bốc hàng lên xe ô tô của ông tại đó. Khi mọi người bốc hàng lên xe ô tô thì toàn bộ số hàng hóa đã được đóng bao, khâu chỉ bằng máy, nên ông không được xem kiểm tra hàng. Lý do ông biết bên trong bao là quả cau khô là do anh L nói với ông nên ông mới biết. Giá bao nhiêu tiền 01kg ông không biết, vì ông chỉ biết nhận trở hàng thuê cho anh L.

Sau khi cau khô được bốc lên xe ô tô, khoảng 23 giờ (ngày 06/10/2024), ông đánh xe ô tô ra đỗ tại cây xăng dầu cách chỗ bốc hàng khoảng 02 cây số, đợi anh L gom hàng tại các nơi khác về để đưa lên xe. Khoảng 09 giờ 30 phút sáng ngày 07/10/2024, tại cây xăng anh L lại cho người bốc thêm một số bao cau khô lên xe ô tô. Đến 19 giờ 30 phút ngày 09/10/2024, anh L gọi điện cho ông vào

xưởng cau của anh L, cách nơi ông đỗ xe ô tô khoảng 02 cây số để bốc hàng lên xe, vẫn là quả cau khô. Khoảng 19 giờ 35 phút cùng ngày (09/10/2024), ông đánh xe ô tô vào đến xưởng. Tại đây, anh L cho người bốc thêm một số bao quả cau khô lên xe ô tô. Tổng số bao quả cau khô anh L cho người bốc lên xe ô tô của ông là 620 bao. Những người bốc vác tại cây xăng và tại xưởng nhà anh L, vẫn là những người bốc hàng ngày 06/09/2024. Sau khi bốc hàng xong, anh L cho kẹp trì xe ô tô (niêm phong) và bảo ông đánh xe ô tô ra cây xăng dầu đỗ xe trước đó để đợi tàu trở hàng của anh L cập cảng Đình Vũ, Hải Phòng thì mới trở hàng xuống. Từ chỗ ông đỗ xe đến cảng Đình Vũ khoảng 50km. Cả 03 lần nhận hàng lên xe, ông đều không được kiểm tra hàng, ông có yêu cầu được kiểm tra nhưng anh L bảo hàng đã đóng bao và kẹp trì nên không cho kiểm tra.

Đến 11 giờ 30 phút trưa ngày 14/10/2024, anh Tạ Hữu L gọi điện thoại cho ông bảo 14 giờ chiều cùng ngày phải trở hàng có mặt tại cảng Đình Vũ, thành phố Hải Phòng. Đúng 14 giờ chiều ngày 14/10/2024, ông đã trở toàn bộ 620 bao quả cau khô đến cảng Đình Vũ. Lúc ông đến nơi, anh L không có mặt ở đó, chỉ có các công nhân tại cảng (ông không quen biết) cắt trì (bóc niêm phong), bốc hàng xuống “Côngtener” để cMên lên tàu. Trong khi công nhân bốc hàng phát hiện ra cau đã bị mốc và gọi điện báo cho anh L, anh L gọi điện cho ông yêu cầu đánh xe ô tô trở toàn bộ số quả cau khô (620 bao) về xưởng của anh L tại xã Văn Tố. Sau khi anh L gọi điện thoại cho ông, 15 giờ 30 phút cùng ngày (14/10/2024), ông đã đánh xe ô tô trở số hàng trên về đến cây xăng dầu nơi bốc hàng ban đầu, do không có người bốc hàng nên ông phải đỗ ô tô ở đó đến khoảng 20 giờ ngày 14/10/2024 thì anh L mới gọi được người xuống hàng và bảo ông đánh xe vào xưởng. Khi mọi người xuống hàng được 300 bao thì dừng lại. Lúc này anh L bảo ông là mang căn cước công dân và toàn bộ giấy tờ xe ô tô của ông để anh L viết hợp đồng. Sau khi đưa căn cước công dân và toàn bộ giấy tờ xe cho anh L, anh L bảo ông đánh xe ô tô cùng số hàng còn lại ra cây xăng dầu trước đó để 05 giờ sáng ngày 15/10/2024 đánh xe vào xưởng của anh L để xuống nốt số hàng còn lại. Sau khi bốc hàng xuống xong, ông và anh L đã lập Hợp đồng do anh L soạn thảo sẵn và bảo ông ký. Hợp đồng không ghi ngày tháng năm, ngày tháng năm là do anh L sau này tự ghi. Ông đã được thông qua toàn bộ nội K1 của hợp đồng, chữ ký trong hợp đồng đề ngày 09/10/2024 đúng là chữ ký của ông. Tuy nhiên phần nội K1 “luôn chạy nhiệt độ -3- 4 độ” là không có, sau này do anh L tự ghi. Khi ký hợp đồng ông và anh L hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, không ai ép buộc ai, anh L chỉ bảo ông là ký xong anh L trả lại ông căn cước công dân và giấy tờ xe. Nhưng sau khi ký hợp đồng anh

L không trả, đến khi ông báo Công an xã Văn Tổ và nhờ văn phòng Luật sư, anh L mới trả ông.

Ông và anh Tạ Hữu L thỏa thuận giá cước vận cMên 620 bao quả cau khô từ xã Văn Tổ đến cảng Đình Vũ là 15.000.000 đồng. Trong thời gian từ khi nhận số hàng ban đầu đến khi nhận xong hàng và trả hàng cho anh L (từ ngày 06/09/2024 đến ngày 15/09/2024) xe ô tô của ông vẫn luôn nổ máy và chạy chế độ làm lạnh, giao động từ 0 độ đến âm 10 độ. Xe ô tô của ông là xe đầu kéo công tenner 30 tấn, cMên trở hàng đông lạnh.

Do ông bị anh Tạ Hữu L lừa giữ lại giấy tờ tùy thân cùng toàn bộ giấy tờ xe ô tô khiến ông không thể chạy xe hay nhận các hợp đồng vận cMên hàng hóa, nên mất một khoản thu nhập rất lớn. Vì vậy, ông có yêu cầu phản tố buộc anh Tạ Hữu L phải bồi thường thu nhập cho ông trong khoảng thời gian anh L giữ giấy tờ tùy thân và giấy tờ xe ô tô trong thời gian 02 tháng 09 ngày (từ ngày 15/10/2024 đến 24/12/2024) với tổng số tiền là (282.000.000 đồng/01 tháng) 564.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Ông vận cMên hàng cho anh Tạ Hữu L bằng xe ô tô của cá nhân ông, ông không đăng ký kinh doanh và không lái xe thuê cho cá nhân, tổ chức hay tập thể nào. Giao dịch giữa ông với anh L là giao dịch riêng của ông với anh Tạ Hữu L, không liên quan đến người thứ ba, vợ ông là chị Nguyễn Thị K1 không có liên quan gì.

Tại bản tự khai, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị W hoàn toàn nhất với nội K1 đơn khởi kiện và ý kiến của chồng chị là anh Tạ Hữu L.

Tại bản tự khai, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K1 hoàn toàn nhất với ý kiến của chồng bà là ông Đoàn Văn X.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội K1: Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vận cMễn hàng hóa, gọi E là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã B, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Đình Đ, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 09/10/2024, anh Tạ Hữu L và ông Đoàn Văn X đã ký hợp đồng vận cMễn hàng hóa với nội K1 ông Đoàn Văn X dùng xe ô tô tải loại công tenner 30 tấn của mình chở 620 bao quả cau khô với khối lượng 40kg/bao từ thôn Lâm Đồng, xã Văn Tô, Mện Tứ Kỳ, tỉnh Hải D đến cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, giá cước vận cMễn là 15.000.000 đồng. Sau khi ông X chở 620 bao quả cau khô đến địa điểm giao hàng, công nhân do anh L thuê đến bốc dỡ hàng hóa lên tàu thì phát hiện 100 bao quả cau khô (tương đương 4000kg) đã bị mốc, hư hỏng. Anh L cho rằng toàn bộ số cau khô bị hư hỏng là do lỗi của lái xe, nên yêu cầu ông Đoàn Văn X phải bồi thường cho anh toàn bộ số quả cau khô bị hư hỏng với giá $350.000 \text{ đồng}/01\text{kg} \times 4000\text{kg} = 1.400.000.000$ đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Ngoài ra, anh L còn yêu cầu ông X phải hoàn trả anh 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền anh mua cò, thuê nhân công để khắc phục hậu quả. Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường giá trị hàng hóa bị hư hỏng là 700.000.000 đồng và tiền chi phí thuê nhân công, mua nguyên vật liệu để khắc phục thiệt hại là 70.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường là 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy: Khi ký hợp đồng vận cMễn hàng hóa ngày 09/10/2024, anh Tạ Hữu L, ông Đoàn Văn X đều hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, nội K1 và hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Tại Điều 3 của hợp đồng có ghi: “Hàng hóa thiếu hụt hay hư hỏng do nhà xe gây ra trong quá trình vận cMễn phải đền bù theo giá thị trường tại nơi giao hàng”. Quá trình tố tụng, ngoài bản phô, không công chứng chứng thực Hợp đồng

vận cMên hàng hóa ngày 09/10/2024, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh lỗi của bị đơn và nguyên nhân dẫn đến 100 bao quả cau khô bị hư hỏng, như: Ngay khi xảy ra sự việc các bên không lập biên bản, không mời cơ quan cMên môn đến để đánh giá, xác định thiệt hại, nguyên nhân dẫn đến thiệt hại; nội K1 trong hợp đồng (bản phô tô) không ghi rõ quyền và nghĩa vụ của các bên...Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Hữu L, về việc buộc ông Đoàn Văn X phải bồi thường 770.000.000 đồng, theo Hợp đồng vận cMên hàng hóa là quả cau khô ngày 09/10/2024.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Quá trình tố tụng, ông Đoàn Văn X có đơn phản tố yêu cầu anh Tạ Hữu L phải bồi thường cho ông số tiền là 564.000.000 đồng trong thời gian anh L giữ giấy tờ xe ô tô và giấy tờ tùy thân của ông là 02 tháng 09 ngày, khiến ông không thể ký được các hợp đồng vận cMên hàng hóa nên bị mất thu nhập. Tại phiên tòa, ông Đoàn Văn X xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Ông X rút yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận. Vì vậy, cần đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đoàn Văn X về việc yêu cầu anh Tạ Văn L phải bồi thường 564.000.000 đồng, tiền bị mất thu nhập trong thời gian 02 tháng 09 ngày do bị anh L giữ giấy tờ xe ô tô và giấy tờ tùy thân.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tạ Hữu L không được chấp nhận nên anh Tạ Hữu L phải chịu 34.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trừ đi số tiền 28.050.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004423 ngày 22/11/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự Mện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh), anh Tạ Hữu L còn phải chịu 6.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Đoàn Văn X rút yêu cầu phản tố và được chấp nhận, nên hoàn trả lại ông Đoàn Văn X 13.280.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đoàn đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004628 ngày 25/04/2025, tại Chi cục thi hành án dân sự Mện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 351, Điều 356, Điều 541 của Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tạ Hữu L về việc yêu cầu ông Đoàn Văn X phải bồi thường thiệt hại về hàng hóa là quả cau khô với tổng số tiền là 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu đồng), theo Hợp đồng vận chuyển hàng hóa ngày 09/10/2024.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đoàn Văn X về việc yêu cầu anh Tạ Hữu L phải bồi thường 564.000.000 đồng tiền bị mất thu nhập trong thời gian 02 tháng 09 ngày do bị anh Tạ Hữu L giữ Căn cước công dân và giấy tờ xe ô tô.

3. Về án phí: Anh Tạ Hữu L phải chịu 34.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, trừ đi số tiền 28.050.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004423 ngày 22/11/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự Mện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh), anh Tạ Hữu L còn phải chịu 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Đoàn Văn X 13.280.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004628 ngày 25/04/2025, ông X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Mện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân

